

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
**ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**NỘI DUNG**

	Trang
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	2 - 5
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	6 - 7
<b>Báo cáo Tài chính riêng</b>	
Bảng cân đối kế toán riêng	8 - 11
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	13
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	14 - 35
Phụ lục 01: Các khoản đầu tư Tài chính	36 - 37
Phụ lục 02: Bảng biến động vốn chủ sở hữu	38

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách – Thiết bị trường học Nam Định, thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 8588/QĐ – BGD&ĐT – TCCB ngày 29/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, được đổi tên từ Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định theo Quyết định số 24/2017/QĐ – HĐQT ngày 28/12/2017. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0703000526 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp ngày 05/01/2005.

Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp bổ sung 08 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 08 số 0600004422 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp ngày 28 tháng 12 năm 2017 về việc đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long.

Trụ sở chính của Công ty tại: 13 Minh Khai, Phường Nguyễn Du, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là: 323.000.000.000 VND đồng (Ba trăm hai mươi ba tỷ đồng), tương đương 32.300.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Bán buôn sách giáo khoa, sách khác, văn phòng phẩm; Bán buôn thiết bị đồ dùng dạy học, tranh ảnh bản đồ, đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục);
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xuất bản sách (Chi tiết: Phát hành sách);
- Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ (Chi tiết: Phát hành sách, báo, tạp chí, tranh ảnh bản đồ, đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục);
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất thiết bị đồ dùng dạy học, văn phòng phẩm);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (không bao gồm môi giới, đấu giá, sàn giao dịch bất động sản)).



## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG**

13 Minh Khai, Phường Nguyễn Du, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định.

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Buôn bán than và nhiên liệu rắn;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu, các xưởng hóa chất; Xây dựng công trình như: Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, cảng du lịch, cửa cống..., đập và đê; Xây dựng đường hầm; Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng nhà các loại;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.

### **CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG NĂM**

Theo Quyết định số 03/QĐ-HĐQT ngày 09 tháng 02 năm 2018 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long thông qua phương án góp vốn thành lập Công ty con tại Nam Định. Thông tin về công ty con như sau: Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định, trụ sở chính tại số 13 Minh Khai, phố Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định; Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VND; trong đó công ty góp 9.990.000.000 VND chiếm 99,9% tổng số vốn góp. Công ty cử ông Ngô Quang Hòa – Chủ tịch HĐQT công ty làm đại diện cho phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định.

Theo Quyết định số 06/2018/QĐ-STLI ngày 07 tháng 03 năm 2018 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long đồng ý chuyển nhượng một phần vốn góp của công ty tại Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Smart Invest, theo đó công ty chuyển nhượng 32.000.000.000 VND tương ứng với 15,398% tổng vốn điều lệ với giá chuyển nhượng là 44.000.000.000 VND cho ông Phan Anh, cũng theo quyết định trên công ty bổ nhiệm ông Phan Anh làm đại diện phần vốn góp còn lại của công ty tại Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Smart Invest.

Theo Quyết định số 07/2018/STLI ngày 07 tháng 03 năm 2018 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long đồng ý góp vốn vào Công ty TNHH Thời trang và May mặc Demoda, theo đó công ty góp 12.000.000.000 VND chiếm 19,355% vốn điều lệ của Công ty TNHH Thời Trang và May mặc Demoda

Theo Quyết định số 08/2018/STLI ngày 09 tháng 03 năm 2018 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long đồng ý góp vốn vào Công ty Cổ phần Thời trang Clothesrack, theo đó công ty góp 37.000.000.000 VND chiếm 37% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thời trang Clothesrack.

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính riêng đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018



**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

**Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Ông Ngô Quang Hòa	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Anh Chiến	Ủy viên
Ông Trương Đức Nam	Ủy viên
Ông Lê Mạnh Cường	Ủy viên
Ông Bùi Việt Dũng	Ủy viên

**Các thành viên ban kiểm soát:**

Bà Nguyễn Thị Lan Hương	Trưởng ban
Ông Phạm Minh Đức	Thành viên
Ông Hà Tuấn Sơn	Thành viên

**Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế Toán trưởng**

Ông Bùi Việt Dũng	Tổng Giám đốc	
Bà Hứa Thị Anh Đào	Phó Tổng Giám đốc kiêm kế toán trưởng	Miễn nhiệm, Kế toán trưởng ngày 21 tháng 03 năm 2018
Bà Đỗ Thị Thu	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm, ngày 21 tháng 03 năm 2018

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty đại chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG**

13 Minh Khai, Phường Nguyễn Du, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định.

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Nam Định, ngày 29 tháng 03 năm 2019

**TM. Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Giám đốc**



**Bùi Việt Dũng**





Số : 187/BCKT-TC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

**Về Báo cáo Tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018  
của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long**

**Kính gửi : Quý Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long**

Chúng tôi đã thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long được lập ngày 29 tháng 03 năm 2019 gồm : Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 được trình bày từ trang 08 đến trang 38 kèm theo.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng đã trung thực, hợp lý nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá



tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được đầy đủ và thích hợp là cơ sở cho ý kiến kiểm toán viên của chúng tôi.

### Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo Tài chính này.

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2019

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP**

**Phó Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Chi Thành**  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán  
Số: 0647-2018-133-1

**Kiểm toán viên**

**Trần Thị Hạnh**  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán  
Số: 0726 -2018-133-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>20.360.902.471</b>	<b>25.289.000.665</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>3.606.689.286</b>	<b>7.134.312.385</b>
1. Tiền	111		3.606.689.286	7.134.312.385
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>16.728.615.224</b>	<b>17.593.072.799</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	<b>V.02</b>	9.486.920.201	4.526.341.179
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	<b>V.03</b>	1.074.263.732	989.231.700
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	<b>V.04</b>	5.099.000.000	12.000.000.000
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	<b>V.05</b>	1.068.431.291	77.499.920
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.06</b>	-	<b>527.102.048</b>
1. Hàng tồn kho	141		-	639.733.314
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	(112.631.266)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>25.597.961</b>	<b>34.513.433</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	<b>V.09</b>	2.849.245	17.851.600
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.811.341	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	<b>V.12b</b>	19.937.375	16.661.833
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>299.775.885.362</b>	<b>299.666.287.194</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh của các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		-	<b>3.889.765.519</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	-	3.889.765.519
- Nguyên giá	222		-	6.215.264.087
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		-	(2.325.498.568)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.08</b>	<b>299.775.885.362</b>	<b>295.776.521.675</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		284.122.248.833	307.793.750.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		37.000.000.000	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		12.000.000.000	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(33.346.363.471)	(12.017.228.325)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>320.136.787.833</b>	<b>324.955.287.859</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.384.876.016</b>	<b>13.577.844.611</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.384.876.016</b>	<b>13.577.844.611</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	6.834.244	186.401.904
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	1.376.411.100	1.376.411.100
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12a	-	14.589.230
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	1.630.672	442.377
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	-	12.000.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại Trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>318.751.911.817</b>	<b>311.377.443.248</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>318.751.911.817</b>	<b>311.377.443.248</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		323.000.000.000	323.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		323.000.000.000	323.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		113.603.333	113.603.333
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(437.449.533)	(437.449.533)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		291.971.737	291.971.737
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(4.216.213.720)	(11.590.682.289)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(11.590.682.289)	326.859.161
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.374.468.569	(11.917.541.450)
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>320.136.787.833</b>	<b>324.955.287.859</b>

Nam Định, ngày 29 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu



Nguyễn Thị Mơ

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thu

Tổng Giám đốc



Bùi Việt Dũng

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
**Năm 2018**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	178.847.083.607	40.478.921.562
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		178.847.083.607	40.478.921.562
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	161.477.562.955	38.085.047.614
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		17.369.520.652	2.393.873.948
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	12.684.801.501	319.027.741
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	21.950.623.283	12.324.383.697
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		621.488.137	30.739.726
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	11.982.000	1.482.685.750
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	637.212.733	824.303.244
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		7.454.504.137	(11.918.471.002)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	10.827.945	935.140
12. Chi phí khác	32		90.863.513	5.588
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(80.035.568)	929.552
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		7.374.468.569	(11.917.541.450)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		7.374.468.569	(11.917.541.450)

Nam Định, ngày 29 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu



Nguyễn Thị Mơ

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thư

Tổng Giám đốc




Bùi Việt Dũng



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

Theo phương pháp gián tiếp

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>7.374.468.569</b>	<b>(11.917.541.450)</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>		<b>9.153.190.516</b>	<b>11.851.833.816</b>
+ Khấu hao tài sản cố định			98.805.000
+ Các khoản dự phòng (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái		21.216.503.880	12.041.316.831
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư		(12.684.801.501)	(319.027.741)
+ Chi phí lãi vay		621.488.137	30.739.726
+ Các khoản điều chỉnh khác			
<b>3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>16.527.659.085</b>	<b>(65.707.634)</b>
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu		(6.039.353.766)	2.670.925.397
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho			342.778.410
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		(192.968.595)	983.732.378
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước		15.002.355	(17.851.600)
- Tiền lãi vay đã trả		(621.488.137)	(30.739.726)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.275.542)	(27.210.548)
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>9.685.575.400</b>	<b>3.855.926.677</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác			
3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác			(12.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ đơn vị khác		6.901.000.000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(52.799.000.000)	(157.508.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		44.000.000.000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		684.801.501	34.130.827
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(1.213.198.499)</b>	<b>(169.473.869.173)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			158.000.000.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		3.150.000.000	12.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(15.150.000.000)	
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		<b>(12.000.000.000)</b>	<b>170.000.000.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>(3.527.623.099)</b>	<b>4.382.057.504</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>7.134.312.385</b>	<b>2.752.254.881</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>		<b>3.606.689.286</b>	<b>7.134.312.385</b>

Người lập biểu



Nguyễn Thị Mơ

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thu

Nam Định, ngày 29 tháng 03 năm 2019

Tổng Giám đốc



Bùi Việt Dũng

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính riêng)

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách – Thiết bị trường học Nam Định, thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 8588/QĐ – BGD&ĐT – TCCB ngày 29/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, được đổi tên từ Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định theo Quyết định số 24/2017/QĐ – HĐQT ngày 28/12/2017. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0703000526 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp ngày 05/01/2005.

Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp bổ sung 08 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 08 số 0600004422 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp ngày 28 tháng 12 năm 2017 về việc đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long.

Trụ sở chính của Công ty tại: 13 Minh Khai, Phường Nguyễn Du, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là: 323.000.000.000 VND đồng (Ba trăm hai mươi ba tỷ đồng), tương đương 32.300.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Bán buôn sách giáo khoa, sách khác, văn phòng phẩm; Bán buôn thiết bị đồ dùng dạy học, tranh ảnh bản đồ, đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục);
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xuất bản sách (Chi tiết: Phát hành sách);
- Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ (Chi tiết: Phát hành sách, báo, tạp chí, tranh ảnh bản đồ, đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục);
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất thiết bị đồ dùng dạy học, văn phòng phẩm);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (không bao gồm môi giới, đấu giá, sàn giao dịch bất động sản)).



- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Buôn bán than và nhiên liệu rắn;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu, các xưởng hóa chất; Xây dựng công trình như: Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, cảng du lịch, cửa cống..., đập và đê; Xây dựng đường hầm; Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng nhà các loại;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.

#### **Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty không quá 12 tháng.

#### **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ ảnh hưởng lớn đến Báo cáo tài chính riêng**

Theo Nghị Quyết 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/1/2018 của Đại hội đồng cổ đông, Công ty bổ sung thêm một số ngành nghề kinh doanh.

Trong năm, Công ty đẩy mạnh hoạt động kinh doanh hàng hóa là thép và vật liệu điện. 6 tháng đầu năm 2018 phát sinh nhiều giao dịch thương mại lớn đối với các mặt hàng trên, do đó, các chỉ tiêu doanh thu, giá vốn và lợi nhuận gộp tăng đáng kể so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên 6 tháng cuối năm lại không phát sinh hoạt động kinh doanh này.

## **II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.



#### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### 1. Công cụ tài chính

###### *Ghi nhận ban đầu*

###### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

###### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

###### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

##### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

##### 3. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được xác định theo giá gốc.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư được xác định theo giá gốc nếu là đầu tư bằng tiền hoặc giá đánh giá lại nếu là đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý đối với cổ phiếu của công ty niêm yết là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán, đối với cổ phiếu chưa niêm yết giao dịch trên sàn UPCOM là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM, đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác là giá thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được đánh giá khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

#### **4. Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.



**5. Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính và Bất động sản đầu tư**

Thực hiện Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và thông tư 147/2016/TT-BTC sửa đổi bổ sung một số điều TT45 của Bộ tài chính, hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10-50 năm
- Phương tiện, vận tải	06-10 năm
- Thiết bị văn phòng	03-05 năm

**6. Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 3 năm.

**7. Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**8. Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**9. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán



Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang. Tỷ lệ vốn hoá chi phí lãi vay trong kỳ là: 0%.

#### **10. Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

#### **11. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

## **12. Doanh thu**

### *Doanh thu bán hàng*

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.



#### *Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động*

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### **13. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ.

#### **14. Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Chi phí lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### **15. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

##### **a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.



**b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

**16. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Tiền mặt	3.600.560.000	6.443.310.035
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.129.286	691.002.350
+ Tiền gửi VND	6.129.286	691.002.350
+ Tiền gửi bằng ngoại tệ		
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn (từ 1 - 3 tháng):	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.606.689.286</b>	<b>7.134.312.385</b>

**2. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>9.486.920.201</b>		<b>4.526.341.179</b>	
- Công ty TNHH Thương mại Hà Vĩnh	8.229.223.011			
- KL TP Nam Định (vở luyện C1)	313.921.200		386.233.600	
- KL Ý Yên (vở luyện C1)	199.761.600		349.761.600	
- KL Hải Hậu (vở luyện C1)	151.668.800		341.668.800	
- KL Công nghệ GD C1(Nam Trực)	136.000.250		320.948.150	
- Ông Trần Huy Cường	20.000.000		339.818.033	
- Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	13.546.256		413.546.256	
- Các đối tượng công nợ khác	422.799.084		2.374.364.740	
<b>b. Dài hạn</b>	-		-	
<b>Cộng</b>	<b>9.486.920.201</b>	-	<b>4.526.341.179</b>	-

**3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>1.074.263.732</b>	-	<b>989.231.700</b>	-
- Công ty TNHH Mạnh Thành Quang	981.687.700		981.687.700	
- Các đối tượng khác	92.576.032		7.544.000	
<b>Cộng</b>	<b>1.074.263.732</b>	-	<b>989.231.700</b>	-

#### 4. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

Diễn giải	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Ông Lê Hồng Long	5.099.000.000		12.000.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>5.099.000.000</b>		<b>12.000.000.000</b>	

Khoản phải thu về cho vay ngắn hạn là khoản cho Ông Lê Hồng Long vay theo Hợp đồng cho vay tiền số 2012/2017/HDV/NABECO-LHL ngày 29/12/2017, với lãi suất là 8,5%/năm và thời hạn vay là 5 tháng 5 ngày. Hợp đồng này đến hạn ngày 14/6/2018, gia hạn theo Phụ lục hợp đồng số 1406/2018/PLGHHD/STL-LHL ngày 14/06/2018

#### 5. PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>1.068.431.291</b>	-	<b>77.499.920</b>	-
- Dư nợ BHXH	1.405.126			
- Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	-		-	
- Dư nợ phải trả khác				
- Tạm ứng (*)	1.067.026.165		77.499.920	
- Phải thu khác	-		-	
<b>b. Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.068.431.291</b>	-	<b>77.499.920</b>	-

#### (\* Chi tiết tạm ứng

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Ông Bùi Việt Dũng	988.250.000	
- Bà Trần Ngân Hà	30.000.000	30.000.000
- Đoàn Quyết Thắng	23.500.000	23.500.000
- Các đối tượng khác	25.276.165	23.999.920
<b>Cộng</b>	<b>1.067.026.165</b>	<b>77.499.920</b>

#### Tạm ứng các bên liên quan

	Mối quan hệ	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Ông Bùi Việt Dũng	Tổng Giám đốc	988.250.000	-

#### 6. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Hàng hóa	-		639.733.314	(112.631.266)
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>639.733.314</b>	<b>(112.631.266)</b>



**7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa VKT	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DCQL	Cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>					
Số dư đầu năm	4.974.932.590		687.247.857	553.083.640	6.215.264.087
Số tăng trong năm					
Số giảm trong năm	4.974.932.590		687.247.857	553.083.640	6.215.264.087
- Giảm khác	4.974.932.590		687.247.857	553.083.640	6.215.264.087
Số dư cuối năm					
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	1.085.167.071		687.247.857	553.083.640	2.325.498.568
Số tăng trong năm					
Số giảm trong năm	1.085.167.071		687.247.857	553.083.640	2.325.498.568
- TL, nhượng bán					
- Giảm khác	1.085.167.071		687.247.857	553.083.640	2.325.498.568
Số dư cuối năm					
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	3.889.765.519				3.889.765.519
Tại ngày cuối năm					

**08. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH ( Phụ lục 01)**

**09. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>2.849.245</b>	<b>17.851.600</b>
Công cụ dụng cụ phân bổ ngắn hạn	2.849.245	17.851.600
Chi phí trả trước ngắn hạn		
<b>b. Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>2.849.245</b>	<b>17.851.600</b>

**10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>6.834.244</b>	<b>6.834.244</b>	<b>186.401.904</b>	<b>186.401.904</b>
- Cty TNHH dịch vụ Văn hoá Việt	5.010.240	5.010.240	-	-
- Nhà sách Minh Đức		-	97.067.660	97.067.660
- Công ty CP chứng khoán Smart Invest		-	82.500.000	82.500.000
- Các đối tượng công nợ khác	1.824.004	1.824.004	6.834.244	6.834.244
<b>Cộng</b>	<b>6.834.244</b>	<b>6.834.244</b>	<b>186.401.904</b>	<b>186.401.904</b>

**11. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>1.376.411.100</b>	<b>1.376.411.100</b>	<b>1.376.411.100</b>	<b>1.376.411.100</b>
- Công ty CP Đầu tư và Thương mại NKC Việt Nam	1.376.411.100	1.376.411.100	1.376.411.100	1.376.411.100
<b>Cộng</b>	<b>1.376.411.100</b>	<b>1.376.411.100</b>	<b>1.376.411.100</b>	<b>1.376.411.100</b>

Khoản người mua trả tiền trước là khoản Công ty CP Đầu tư và Thương mại NKC Việt Nam chuyển tiền cho Công ty theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán than năm 2017 số 0609/2017/NABECO-NKC được ký ngày 6/9/2017.

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

**a. Phải nộp**

Đơn vị tính: VND

Diễn giải	Số dư đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Thuế GTGT khấu trừ	Số dư cuối năm
	(a)	(b)	(c)	(d)	(e)=(a)+(b)-(c)+(d)
Thuế GTGT phải nộp	11.588.563	17.884.708.367	1.724.225.050	16.172.071.880	-
Thuế thu nhập cá nhân	3.000.667		3.000.667		-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất		27.746.000	27.746.000		
Thuế khác	-	3.000.000	3.000.000		-
<b>Cộng</b>	<b>14.589.230</b>	<b>17.915.454.367</b>	<b>1.803.829.305</b>	<b>16.172.071.880</b>	

**b. Phải thu**

Diễn giải	Số dư đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Thuế nộp bổ sung	Số dư cuối năm
	(a)	(b)	(c)	(d)	(e)=(a)+(b)-(c)+(d)
Thuế TNDN	16.661.833		3.275.542		19.937.375
<b>Cộng</b>	<b>16.661.833</b>		<b>3.275.542</b>	-	<b>19.937.375</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**13. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>1.630.672</b>	<b>442.377</b>
- Kinh phí công đoàn	1.244.157	442.377
- Phải trả, phải nộp khác	386.515	-
<b>b. Dài hạn</b>	-	-
<b>c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>		
<b>Cộng</b>	<b>1.630.672</b>	<b>442.377</b>



## 14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Giá trị	Giá trị	Khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	-	-	3.150.000.000	15.150.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000
- Vay Ngân hàng	-	-	-	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000
+ <i>Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Quang Minh</i>	-	-	-	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000
- Vay cá nhân	-	-	-	-	-	-
+ Ông Bùi Việt Dũng	-	-	3.150.000.000	3.150.000.000	-	-
<b>Vay dài hạn</b>	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	-	-	3.150.000.000	15.150.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Phụ lục 02)**

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của các cổ đông	323.000.000.000	100,00	323.000.000.000	100,00
<b>Cộng</b>	<b>323.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>323.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ <i>Vốn góp đầu năm</i>	323.000.000.000	165.000.000.000
+ <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>		158.000.000.000
+ <i>Vốn góp giảm trong kỳ</i>		
+ <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	323.000.000.000	323.000.000.000

**d. Cổ phiếu**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.300.000	32.300.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.300.000	32.300.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	32.300.000	32.300.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	81.000	81.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	81.000	81.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.219.000	32.219.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	32.219.000	32.219.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

**e. Các quỹ Công ty**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Quỹ đầu tư phát triển	291.971.737	291.971.737
<b>Cộng</b>	<b>291.971.737</b>	<b>291.971.737</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

**1. DOANH THU**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>178.847.083.607</b>	<b>40.478.921.562</b>
Doanh thu bán hàng hóa	162.094.436.981	40.478.921.562
Doanh thu dịch vụ	16.752.646.626	
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>178.847.083.607</b>	<b>40.478.921.562</b>

**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	147.410.178.535	38.060.959.108
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	14.180.015.686	
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(112.631.266)	24.088.506
<b>Cộng</b>	<b>161.477.562.955</b>	<b>38.085.047.614</b>

**3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	684.801.501	34.130.827
Lãi từ chuyển nhượng vốn góp	12.000.000.000	
Chiết khấu thanh toán được hưởng		284.896.914
<b>Cộng</b>	<b>12.684.801.501</b>	<b>319.027.741</b>

**4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	621.488.137	30.739.726
Chiết khấu thanh toán,		276.415.646
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính	21.329.135.146	12.017.228.325
<b>Cộng</b>	<b>21.950.623.283</b>	<b>12.324.383.697</b>

**5. CHI PHÍ SXKD THEO YẾU TỐ CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Chi phí theo yếu tố</b>		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	32.097.809	2.840.000
- Chi phí nhân công	449.703.180	1.319.397.776
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.827.945	98.805.000
- Thuế, phí, lệ phí	59.027.312	34.465.746
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.120.500	620.681.652
- Chi phí khác bằng tiền	89.417.987	230.798.820
<b>Cộng</b>	<b>649.194.733</b>	<b>2.306.988.994</b>

**b. Chi phí bán hàng**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nhân công		1.026.075.338
- Chi phí khấu hao tài sản cố định		4.227.272
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.120.500	452.383.140
- Chi phí khác bằng tiền	3.861.500	
<b>Cộng</b>	<b>11.982.000</b>	<b>1.482.685.750</b>



	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>c. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, CCDC	32.097.809	2.840.000
- Chi phí nhân công	449.703.180	293.322.438
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.827.945	94.577.728
- Thuế, phí, lệ phí	59.027.312	34.465.746
- Chi phí dịch vụ mua ngoài		168.298.512
- Chi phí khác bằng tiền	85.556.487	230.798.820
<b>Cộng</b>	<b>637.212.733</b>	<b>824.303.244</b>
<b>6. THU NHẬP KHÁC</b>	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
- Thu nhập khác	10.827.945	935.140
<b>Cộng</b>	<b>10.827.945</b>	<b>935.140</b>
<b>7. CHI PHÍ KHÁC</b>	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
- Tiền phạt chậm nộp thuế	90.863.513	
- Các khoản khác		5.588
<b>Cộng</b>	<b>90.863.513</b>	<b>5.588</b>
<b>8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH</b>	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	-	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Lợi nhuận trước thuế	7.374.468.569	(11.917.541.450)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	90.863.513	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(11.917.541.450)	
- Bù lỗ các năm trước	(11.917.541.450)	
Lợi nhuận chịu thuế	(4.543.072.881)	(11.917.541.450)
Thuế suất hiện hành	20%	20%
- Thuế suất hoạt động chịu thuế thông thường	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		
<b>Chi phí thuế TNDN bị truy thu</b>		
Thuế TNDN phải nộp		-



## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. CÁC GIAO DỊCH BẰNG TIỀN ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo Quyết định của Hội đồng Quản trị số 02/QĐ-HĐQT ngày 9/2/2018 về việc góp vốn thành lập Công ty cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định: Công ty góp vốn vào Công ty Cổ phần sách và Thiết bị Giáo dục số tiền là 9.990.000.000 đồng (chiếm tỷ lệ góp vốn là 99,99%). Trong đó, số vốn góp bằng tài sản là: 4.529.498.833 đồng. (Tài sản cố định: 3.889.765.519 đồng; Hàng tồn kho: 639.733.314 đồng).

### 2. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.606.689.286		7.134.312.385	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	10.555.351.492		4.603.841.099	
Các khoản cho vay	5.099.000.000		12.000.000.000	
Đầu tư ngắn hạn	-		-	
Đầu tư dài hạn	12.000.000.000		-	
<b>Cộng</b>	<b>31.261.040.778</b>	<b>-</b>	<b>23.738.153.484</b>	<b>-</b>

Nợ phải trả tài chính	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vay và nợ		12.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	8.464.916	186.844.281
Chi phí phải trả		
<b>Cộng</b>	<b>8.464.916</b>	<b>12.186.844.281</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

#### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

#### Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.



**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Số cuối năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.606.689.286			3.606.689.286
Phải thu khách hàng, phải thu khác	10.555.351.492	-		10.555.351.492
<b>Cộng</b>	<b>19.261.040.778</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>19.261.040.778</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.134.312.385			7.134.312.385
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.603.841.099	-		4.603.841.099
<b>Cộng</b>	<b>23.738.153.484</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>23.738.153.484</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Số cuối năm</b>				
Vay và nợ	-			-
Phải trả người bán, phải trả khác	8.464.916	-		8.464.916
<b>Cộng</b>	<b>8.464.916</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>8.464.916</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	12.000.000.000			12.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	186.844.281	-		186.844.281
<b>Cộng</b>	<b>12.186.844.281</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>12.186.844.281</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.



### 3. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

### 4. BÁO CÁO BỘ PHẬN

**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)**

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

	<i>Kinh doanh hàng hóa</i>	<i>Tổng</i>
Doanh thu thuần ra bên ngoài	178.847.083.607	178.847.083.607
<b>Tổng doanh thu thuần</b>	<b>178.847.083.607</b>	<b>178.847.083.607</b>
Chi phí bộ phận	161.477.562.955	161.477.562.955
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>17.369.520.652</b>	<b>17.369.520.652</b>
<b>Các chi phí không phân bổ theo bộ phận</b>		<b>649.194.733</b>
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		16.720.325.919
Doanh thu hoạt động tài chính		12.684.801.501
Chi phí tài chính		21.950.623.283
Thu nhập khác		10.827.945
Chi phí khác		90.863.513
Thuế TNDN hiện hành		-
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>		<b>7.374.468.569</b>

### 5. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần liên quan Ban Tổng Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Số cuối năm VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
<b>Tạm ứng</b>		<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Ông Bùi Việt Dũng	<i>Tổng Giám đốc</i>	988.250.000	
<b>Tiền vay nhận được</b>		<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Ông Bùi Việt Dũng	<i>Tổng Giám đốc</i>	3.150.000.000	
<b>Chi trả tiền vay</b>		<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Ông Bùi Việt Dũng	<i>Tổng Giám đốc</i>	3.150.000.000	
<b>Thu nhập của hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc</b>		<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và HĐQT		167.497.500	160.000.000

**6. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT THỰC TRẠNG TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP**

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	93,64%	25,69%
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	6,36%	74,31%
1.2 Bố trí cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	0,43%	73,92%
- Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	%	99,57%	26,08%
2. Khả năng thanh toán			
2.1 Tổng Tài sản/Tổng nợ phải trả	Lần	231,17	1,35
2.2 Tài sản ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn	Lần	14,70	1,86
2.3 Tổng tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn	Lần	2,60	0,53
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Lợi nhuận / doanh thu			
- Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần+TN hoạt động tài chính+Thu nhập khác	%	3,85%	-29,21%
- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần+TN hoạt động tài chính+Thu nhập khác	%	3,85%	-29,21%
3.2 Lợi nhuận / Tổng Tài sản			
- Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	2,30%	-3,67%
- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2,30%	-3,67%
3.3 Lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn CSH	%	2,31%	-3,83%

**7. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán riêng, Báo cáo Kết quả kinh doanh riêng, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt kiểm toán. Số liệu được phân loại lại cho phù hợp với số liệu kỳ này.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Mơ

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thu

Nam Định, ngày 29 tháng 03 năm 2019

Tổng Giám đốc



Bùi Việt Dũng

## Phụ lục 01: CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>284.122.248.833</b>	<b>33.346.363.471</b>	<b>250.775.885.362</b>	<b>307.793.750.000</b>	<b>12.017.228.325</b>	<b>295.776.521.675</b>
- Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Smart Invest	175.798.750.000		175.798.750.000	207.798.750.000		207.798.750.000
- Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Hưng Thịnh Ar	99.995.000.000	33.346.363.471	66.648.636.529	99.995.000.000	12.017.228.325	87.977.771.675
- Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định	8.328.498.833		8.328.498.833			
<b>Cộng</b>	<b>284.122.248.833</b>	<b>33.346.363.471</b>	<b>250.775.885.362</b>	<b>307.793.750.000</b>	<b>12.017.228.325</b>	<b>295.776.521.675</b>
<b>Đầu tư và Công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>37.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>37.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Công ty CP Thời trang Clothesrack	37.000.000.000		37.000.000.000			
<b>Cộng</b>	<b>37.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>37.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Đầu tư góp vốn vào Công ty khác</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Công ty TNHH Thời trang & May mặc Demoda	12.000.000.000		12.000.000.000			
<b>Cộng</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG**

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về Công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2018 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ quyền kiểm soát	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Smart Invest	Hà Nội	84,592%	84,592%	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại
- Công ty TNHH Đầu tư và Thương Mại Hưng Thịnh An	Hà Nội	99,995%	99,995%	Vận chuyển đất đá, thương mại
- Công ty CP Sách và thiết bị giáo dục Nam định	Nam Định	99,990%	99,990%	Kinh doanh sách giáo khoa

**Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết**

Thông tin chi tiết về đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2018 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ quyền kiểm soát	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty CP thời trang Clothesrack	TP Hồ Chí Minh	37,000%	37,000%	Kinh doanh thời trang

**Đầu tư dài hạn khác**

Thông tin chi tiết về đầu tư dài hạn khác của Công ty vào ngày 31/12/2018 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ quyền kiểm soát	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH Thời trang và May mặc Demoda	TP Hồ Chí Minh	19,355%	19,355%	Kinh doanh thời trang và may mặc

## Phụ lục 02

## 15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

## a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	165.000.000.000	266.203.333	291.971.737	(437.449.533)	326.859.161	165.447.584.698
- Tăng vốn năm trước	158.000.000.000					158.000.000.000
- Lãi trong năm trước						-
- Trích lập các quỹ						-
- Tăng khác						-
- Lỗ trong năm					(11.917.541.450)	(11.917.541.450)
- Phân phối lợi nhuận						-
- Cổ tức						-
- Giảm khác		(152.600.000)				(152.600.000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>323.000.000.000</b>	<b>113.603.333</b>	<b>291.971.737</b>	<b>(437.449.533)</b>	<b>(11.590.682.289)</b>	<b>311.377.443.248</b>
- Tăng vốn trong năm						-
- Lãi trong năm					7.374.468.569	7.374.468.569
- Trích lập các quỹ						-
- Tăng khác						-
- Lỗ trong năm						-
- Phân phối lợi nhuận						-
- Cổ tức						-
- Giảm khác						-
<b>Số cuối năm</b>	<b>323.000.000.000</b>	<b>113.603.333</b>	<b>291.971.737</b>	<b>(437.449.533)</b>	<b>(4.216.213.720)</b>	<b>318.751.911.817</b>